

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP CHỦ QUYỀN VÀ KHAI THÁC KINH TẾ Ở CÔN LÔN VÀ PHÚ QUỐC THỜI CHÚA NGUYỄN

■ NGUYỄN THANH LỢI (*)

Đảo Côn Lôn từ đầu thế kỷ XVIII đã từng là nơi đụng đầu giữa Đại Việt và thế lực phương Tây. Đảo Phú Quốc cũng như vùng biển đảo Tây Nam cũng là nơi tranh chấp giữa các thế lực phong kiến trong khu vực, giữa chúa Nguyễn và Tây Sơn. Trong bối cảnh những cuộc chiến ấy, chúa Nguyễn đã từng bước xác lập chủ quyền và khai thác tiềm năng kinh tế nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển của vương triều mình.

1. Xác lập chủ quyền ở Côn Lôn và Phú Quốc thời chúa Nguyễn

1.1 Xác lập chủ quyền ở Côn Lôn

Thời chúa Nguyễn, khu vực Côn Lôn thuộc dinh Trấn Biên, nên cũng thuộc sự bảo vệ chủ quyền của nhà nước. Do vị trí quan trọng trên đường giao thương trong và ngoài khu vực ở biển Đông, nên Côn Lôn tiếp xúc với các nước phương Tây khá sớm, vào thế kỷ XVII.

Năm 1624, giáo sĩ A. de Rhodes đặt chân đến Đàng Trong, bên cạnh hoạt động truyền giáo, ông còn thu thập, điều tra, cung cấp thông tin cần thiết cho kế hoạch xâm lược của Pháp. Nhận thấy khả năng buôn bán ở Côn Lôn, ông đã đề xuất “Ở đây có một chỗ cần chiếm lấy và đặt cơ sở, thương nhân châu Âu có thể tìm thấy một nguồn lợi phong phú tiền lời và của cải”¹.

Tháng 11/1686, Công ty Đông Ấn của Pháp đã phái Véret tới đó điều tra, và ông này cũng đề nghị

chiếm Côn Lôn làm căn cứ thương mại cho công ty ở Viễn Đông².

Năm 1867, nhà du hành người Anh William Dampier đã dừng chân ở Côn Lôn, nhận xét về quần đảo này: “Các đảo này nằm rất thuận lợi trên đường đến và đi từ Nhật Bản, Trung Hoa, Manila, Đàng Ngoài (Tonquin), Đàng Trong (Cochinchina) và nói chung mọi vùng bờ biển cực đông của lục địa Ấn Độ này dù bạn đi qua vịnh Malacca hay vịnh Sunda giữa Sumatra và Java; và qua một trong những đường này bạn phải qua một đường chung từ châu Âu hay các xứ khác của Đông Ấn, trừ phi bạn muốn đi vòng lớn đại lục Ấn Độ như chúng tôi đã đi. Bất kỳ tàu thuyền ngay khốn nào có thể được tái tiếp tế và bổ sung tại đây một cách thuận tiện”. Và Dampier còn chỉ ra vị thế của Côn Lôn: “Nó cũng có thể là một địa điểm thuận tiện để dẫn đường cho một công cuộc thương mại với nước láng giềng của Đàng Trong, các đồn lính có thể được xây dựng để bảo toàn cho một cơ xưởng, đặc biệt tạo

(*) Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.Hồ Chí Minh - Email: ntloitw3@gmail.com

1. A. Thomazi, *Cuộc chinh phục xứ Đông Dương*, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ký hiệu VT 306ABC, tr.7. Dẫn theo Hồng Nhung – Hoàng Hoàng (2015), *Lịch sử chiếm đóng đảo Côn Lôn qua lời kể của các học giả nước ngoài*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 461, tháng 7, tr.39.

2. Trần Thuận (2021), *Đàng Trong lịch sử và văn hóa*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.166-167.

bến tàu, với khả năng có thể được củng cố một cách hoàn hảo”³. Trong tường trình của mình, ông còn kẹp một bản đồ Côn Lôn vì cho rằng địa dư của nó ít được biết tới.

Năm 1702, Công ty Đông Ấn của Anh ngang nhiên chiếm đóng trái phép Côn Lôn, dựng pháo đài và cột cờ ở đây. Thương nhân Daniel Doughty được cử làm chúa đảo. Quân Anh trên đảo gồm hơn 200 người, chủ yếu là người Mã Lai. Họ dựng doanh trại, buôn bán với các nước trong vùng.

Công ty Đông Ấn thành lập một nhà máy (có lẽ là thương điểm - NTL chú) ở Côn Lôn vào năm 1702, duy trì các hoạt động vận tải biển giữa các cảng thương mại với Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á⁴.

Tài liệu nước ngoài ghi Công ty Đông Ấn của Anh (Honorable East Indian Company) đặt chân đến Côn Lôn năm 1702 và xây dựng ở đây một thương điểm, được ghi lại trong báo cáo của nhân viên hàng Pháp Ấn là Veret. Chính ông này đã khuyên người Pháp nên chiếm đóng Côn Lôn do là “điểm trung chuyển quan trọng đối với các tàu của Trung Hoa, Bắc Kỳ, Ma Cao, Manila, Java”⁵.

Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cho biết: mùa thu, tháng 8, năm Nhâm Ngọ (22/9- 20/10/1702) có 8 chiếc thuyền của người Man An Liệt (Anh) do Nhất ban, Tô Thích Già Thi chỉ huy, cùng các sĩ quan Nhị ban, Tam ban, Tứ ban, Ngũ ban, 200 lính đánh chiếm Côn Lôn “kết lập trại sách, của cải chứa đầy như núi, bốn mặt đều đặt đại bác”⁶. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử quan trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan đem quân tiến đánh.

Tháng 10, năm Quý Mùi (9/11-8/12/1703), Trương Phúc Phan tuyển mộ 15 người Chà Và (Java) sinh sống ở dinh Trấn Biên, dưới quyền cai quản của ông sai làm kế trá hàng quân Anh để thừa cơ thì giết chúng. Quân Anh ở Côn Lôn một năm không thấy Trấn Biên xét hỏi nên chủ quan. Người Chà Và nửa đêm phóng lửa đốt trại, đâm chết Nhất ban, Nhị ban, bắt trói Ngũ ban, Tam ban, Tứ ban theo đường biển bỏ chạy. Trương Phúc Phan nghe tin, sai binh thuyền ra

Côn Lôn, thu của cải bắt được dâng nộp. Chúa trọng thưởng người Chà Và và tướng sĩ theo thứ bậc⁷.

Sau sự kiện này, Trương Phúc Phan cho tổ chức lại lực lượng bảo vệ đảo chặt chẽ hơn nhưng vẫn theo phương thức nửa dân sự, nửa quân sự giống như đội Hoàng Sa từ nhiều thập kỷ trước. “Dân ở đảo tự kết lại làm binh sĩ, gọi là Tiệp Nhất, Tiệp Nhị, Tiệp Ba đội, trực thuộc đạo Cần Giờ, có đủ khí giới để giữ gìn đất ấy phòng quân cướp hung dữ Đồ Bà (Java – NTL chú), không cần kêu gọi chỗ khác đến giúp. Dân lính ở đây thường lấy yến sào, đồi mồi, vich, quế hương, mắ, ốc tai tượng, rồi theo mùa mà dâng nộp; còn lại thì đánh bắt hải sản như cá tôm để sinh sống...”⁸. Các nước phương Tây về sau cũng không dám can thiệp vào Côn Lôn cho đến khi Pháp đánh chiếm Gia Định năm 1859.

1.2 Xác lập chủ quyền ở Phú Quốc

Năm 1708, Mạc Cửu trao đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn, thì nơi đây đã trở thành một phần trong lãnh thổ Đàng Trong. Cương vực đất nước được mở rộng lãnh thổ về vùng đất, biển đảo về phía Tây Nam, chủ quyền của chúa Nguyễn từ đây được xác lập ở vùng đất này.

Bên cạnh xây dựng hệ thống phòng thủ vùng ven biển và trên đảo, họ Mạc đã tổ chức quân đội, nhất là lực lượng thủy quân. Suốt 50 năm đầu của thế kỷ XVIII, hoạt động tuần tra vùng biển đảo Tây Nam trong vịnh Thái Lan được chú trọng và diễn ra thường xuyên. Lực lượng thủy quân này hoạt động trên một vùng rộng lớn từ Hà Tiên đến mũi Cà Mau, đảo Phú Quốc.

Hệ thống phòng thủ này gồm hai vòng: thành và đồn lũy ven vùng biên giới và ven biển, nhất là hòn Kim Dữ và trên các hải đảo gần bờ. Tại những đảo xa bờ như Phú Quốc, Thổ Chu, họ Mạc đã xây dựng lực lượng quân đội và đồn lũy để bảo vệ nhưng tiềm lực quân sự có hạn và khả năng tổ chức quân đội chưa cao nên khả năng phòng thủ Hà Tiên còn hạn chế. Vì thế, chính quyền Đàng Trong can thiệp sâu thêm vào vùng đất và biển đảo Hà Tiên mà tiêu biểu nhất là việc cho hàng trăm tinh binh đến đây đóng⁹.

3. Thomas Suárez, *Thế kỷ thứ XIX và việc vẽ bản đồ vùng nội địa Đông Nam Á*, Ngô Bắc dịch. Dẫn theo Hồng Nhung – Hoàng Hoàng (2015), *Lịch sử chiếm đóng đảo Côn Lôn qua lời kể của các học giả nước ngoài*, Tlđđ, tr.39.

4. Trần Nam Tiến (2018), “Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền của các chúa Nguyễn ở vùng biển đảo Đông Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII” trong Nguyễn Văn Hiệp – Hồ Sơn Đài (chủ biên), *Miền Đông Nam Bộ lịch sử và văn hóa*, tập 1, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.121.

5. Hồng Nhung – Hoàng Hoàng (2015), *Lịch sử chiếm đóng đảo Côn Lôn qua lời kể của các học giả nước ngoài*, Tlđđ, tr.40.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.115.

7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđđ, tr.117.

8. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.77.

9. Nguyễn Thế Trung (2013), *Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.53-55.

Năm 1732, để ổn định tình hình nơi miền biên viễn, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đặt thêm “châu Định Viễn, đặt dinh Long Hồ, gồm 3 đạo: Châu Đốc, Long Xuyên, Kiên Giang và sở Phú Quốc”¹⁰.

Năm 1735, Tổng trấn Hà Tiên Mạc Cửu từ trần, con là Mạc Thiên Tích (Mạc Thiên Tứ) lên thay. Ông cho xây đắp lại trấn lỵ Hà Tiên thành hình vuông, gọi là Phương Thành¹¹. *Để phòng ngừa những cuộc tấn công bất ngờ của giặc ngoại xâm, nên cho lập trên đỉnh núi Hòn Chảo (phía Bắc đảo Phú Quốc) một đàn rộng lớn làm nơi đốt lửa báo hiệu cho Phương Thành khi có biến*¹².

Năm 1757, Mạc Thiên Tích khai phá thêm 5 phủ, đặt thuộc trấn Hà Tiên và lập thêm đạo Kiên Giang ở Rạch Giá, đạo Long Xuyên ở Cà Mau¹³.

Năm 1780, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh phải chạy ra đảo Phú Quốc. Tháng 7/1782, chúa chạy ra đảo lần thứ 2, nhưng bị Tây Sơn truy đuổi phải chạy ra Côn Đảo. Tháng 2/1783, Nguyễn Ánh lại chạy về Phú Quốc. Tháng sau, khi huy động được ít quân, Nguyễn Ánh đánh nhau với Tây Sơn, bị thua lớn ở Đông Tuyền, buộc chạy ra đảo Diệp Thạch (hòn Đá Chồng, Phú Quốc). Tháng 6 năm Quý Mão (29/6- 28/7/1783), bị Tây Sơn truy tìm tông tích ở vùng đảo Tây Nam, Nguyễn Ánh và gia quyến chạy ra Côn Đảo¹⁴.

Vào ngày 9/8/1783, tại quần đảo An Thới (cực nam đảo Phú Quốc), giữa quân Tây Sơn và quân chúa Nguyễn Ánh đã có một trận hải chiến ác liệt. Tướng Tây Sơn do phò mã Phan Tiến Thận tiến đánh cụm chiến thuyền tiên tiêu của quân Nguyễn tại hòn Rù Rì, chỉ trong vòng vài mươi phút đã tiêu diệt sạch trên 20 chiến thuyền của chúa Nguyễn Ánh; rồi vây chặt quân Nguyễn Ánh ở rạch Đầm, mũi An Thới, nơi tổng hành dinh của Nguyễn Ánh. Lê Phước Diên buộc phải giả dạng chúa để Nguyễn Ánh lẫn tránh sang hướng nam. Trận đó, Lê Phước Diên đã hy sinh¹⁵.

Năm 1788, hai đạo Kiên Giang và Long Xuyên thuộc vào dinh Vĩnh Thanh, sau đặt hai huyện Kiên Giang và Long Xuyên do đạo quản hạt. Nguyên nhân chính là do sau một thời gian bị chiến tranh tàn phá (1772-1787), vùng Hà Tiên chưa sắp xếp lại được nền hành chính. Năm 1789, Nguyễn Ánh ra lệnh tha thuế năm sau cho dân sở Phú Quốc vì: *“xứ ấy đất hẹp dân nghèo, nên tha cho”*¹⁶. Việc quản lý đơn vị hành chính đi liền với việc quản lý dân số, lấy sở dinh tại vùng ven biển và hải đảo Tây Nam.

Năm 1788, Nguyễn Ánh chiếm lại được Gia Định. Năm 1797, khi Nguyễn Phúc Ánh đem 10.000 quân sang giúp Xiêm đánh Miến Điện đã ghé các đảo. Sau khi giúp Xiêm ổn định tình hình, Nguyễn Ánh để lại đây 2.000 quân để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đảo và ven đảo trước nguy cơ xâm lược của Xiêm, Chân Lạp và cả cướp biển và khai thác các nguồn tài nguyên trên đảo. Đây là hình thức phổ biến mà các chúa Nguyễn và vua Nguyễn sau này thường tiến hành để xác lập và khai thác chủ quyền các vùng đất vừa mới giành được¹⁷.

2. Khai thác kinh tế ở Côn Lôn và Phú Quốc thời chúa Nguyễn

2.1 Khai thác kinh tế ở Côn Lôn

Cuối thế kỷ XVII, Côn Lôn là một đảo hoang chưa có người sinh sống hay chỉ là nơi dừng chân của những toán cướp biển. Trong lá thư của Veret, người được cử tới hòn đảo này để điều tra, tìm hiểu gửi cho vua Pháp, vào ngày 5/11/1686, ông viết: “Ở đây có nhiều hòn đảo không có người ở. Côn Lôn có 3 cửa biển tốt nhiều con suối nhỏ và một con sông nhỏ, một vùng cây cối đẹp nhất thế giới; các tàu của Trung Hoa, Bắc Kỳ, Ma Cao, Manila, Nam Kỳ... muốn đi buôn bán với Ấn Độ phải đến hết sức gần hòn đảo này, có các tàu của Ấn Độ, tàu của Anh và của Hà Lan muốn đến biển Trung Hoa cũng phải qua lại ở đây. Chiếm được nơi này thì có lợi như là chiếm eo biển Malacca và sông đỏ vậy”¹⁸.

-
10. Nguyễn Xuân Hoàì – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr.39.
 11. Phương Thành là danh xưng chỉ lỵ sở của trấn Hà Tiên [*Hà Tiên trấn, Hiệp trấn Mạc gia phá*, Trần Kinh Hòa dịch, Bản dịch từ chữ Hán chép tay của Tô Nam, 1956, tr.83].
 12. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Quốc (2000), *Phú Quốc những chặng đường đấu tranh cách mạng (1930-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.15.
 13. Nguyễn Xuân Hoàì – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Sdd, tr.44.
 14. Nguyễn Xuân Hoàì – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Sdd, tr.47.
 15. Địa phương chí tỉnh Kiên Giang (1965), tr.18; Anh Động – Nguyễn Diệp Mai (2008), *Di tích, danh thắng và địa danh Kiên Giang*, Nxb Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr.222.
 16. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr.252.
 17. Nguyễn Thế Trung (2013), *Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Tlđd, tr.61.
 18. A. Septans, *Les commercement de l'Indochine Francaise*, bản dịch của Nguyễn Thị Thắm, Tư liệu Khoa Sử Đại học Tổng hợp, ký hiệu VY.474, tr.30-31. Dẫn theo Phạm Xanh (1987), *Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo – làng An Hải (Côn Đảo)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1-2, tr.105.

Renauly, một người Pháp khi đến tìm hiểu hòn đảo này, trong báo cáo gửi giám đốc Công ty Đông Ấn của Pháp ngày 27/7/1723 cho biết: "Ở phía Đông và Bắc của một vùng biển, người ta thấy một bãi cát lầy lội rộng khoảng nửa dặm, trên đó có những túp lều của dân trên đảo ở rải rác và hỗn độn. Có khoảng bốn, năm chục túp lều tre lợp cỏ, làm rất xấu... dân trên đảo có vào khoảng 200 người. Đó là những người Nam Kỳ tiến ra đây vì lý do đặc biệt, và họ không muốn cho biết nhưng người ta có thể đoán được"¹⁹. Đến năm 1840, An Hải, ngôi làng duy nhất được thành lập trên đất Côn Lôn, trên cơ sở những người dân ban đầu đến hòn đảo này²⁰.

Năm 1697, sau khi lãnh thổ Đại Việt mở rộng vào đến Bình Thuận, đội Bắc Hải ra đời và do đội Hoàng Sa kiêm quản. Đội Bắc Hải hoạt động ở vùng biển Bắc, Côn Lôn, Cù Lao, Hà Tiên và cồn TỰ²¹.

Sách *Phủ biên tạp lục* (1776) viết rõ về hoạt động của đội Bắc Hải: "Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tú Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đồ, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu thuyền và các thứ đổi mỗi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải vật, còn vàng bạc của quý ít khi lấy được"²².

Năm 1780, thuyền trưởng Gore đặt chân lên Côn Lôn, khi này đã là vùng đất của triều đình Phú Xuân²³ (Huế), ông chỉ thấy chừng 30 nóc nhà nằm rải rác. Tàu của ông mua thức ăn của người dân bản xứ²⁴.

Tháng 5/1793, hầu tước người Anh Maccartney trên đường từ Batavia đến Tourane (Đà Nẵng – NTL chú) có ghé Côn Lôn, ông ghi lại cảm tưởng trong cuốn sách *Maccartney tourism*: "Trước mắt chúng tôi là một làng nhỏ khoảng 40 căn nhà do người Đông Dương cư ngụ, không có vẻ cho thấy là họ vừa mới định cư ở đó. Toàn làng có 3 hoặc 4 chiếc thuyền được kéo lên bãi, và một chiếc đang neo dưới biển. Dân làng ở đây trông có vẻ chất phác, gầy ốm và nghèo nàn,

nhưng nhà cửa trông có vẻ gọn gàng, ngăn nắp".

"Đường như có một cơ quan chính quyền thành lập giữa họ và có một thủ lĩnh hay một thượng quan mặc áo lụa sẫm chỉ thị và nói với họ thấy có vẻ uy quyền lắm...

"Trở lại trong làng, tìm thấy ngôi đền với một tượng thờ và một biển nhỏ ghi chỉ ước mong các thượng khách cầu nguyện cho linh hồn của một số người quá cố.

"Trong một căn nhà tìm thấy một cái lu đựng một số cá ngon. Nhiều giống tốt sau 12 hộ. Có những con trâu cân nặng 700 cân Anh, nhiều ngựa nhỏ đẹp có lẽ sử dụng vào việc canh tác và ít khi được dùng vào việc khác trên một đảo nhỏ như vậy... Sân ở đây có cối xay tay và cối giã gạo và cũng có sa quay sợi..."²⁵.

Sách *Gia Định thành thông chí* (1820), hoàn thành không xa vào thời chúa Nguyễn đã tả về đảo Côn Lôn như sau: "Ở giữa biển Đông, từ cửa Cần Giờ chạy ghe hướng về phải mặt trời mọc đi xuống phía đông 2 ngày đêm mới đến. Đảo lớn 100 dặm có ruộng núi trồng lúa, bắp, khoai, đậu nhưng cũng không nhiều, thường phải mua gạo ở Gia Định để bổ túc. Thổ sản là ngựa và trâu, không có hùm beo. Dân ở đảo đoàn kết làm binh sĩ gọi là Tiệp nhất đội, Tiệp nhị đội, Tiệp tam đội, thuộc đạo Cần Giờ, đều có đủ khí giới để phòng bị quân cướp xứ Đồ Bà (Java – NTL chú) vì không thể kêu chỗ khác được, quân lính ở đây thường lấy yến sào, đồi mồi, ba ba, quế mắm, ốc tai tượng, theo thời tiết dâng nộp; còn sinh kế thì nhờ có hải vật: cá, tôm, quả cau to lớn vỏ hồng, khí có vị ngọt thơm, thường đến đầu mùa xuân, nhân cau ở Gia Định chưa kết quả, mà cau ở đảo đã dùng được, chở vào đổi bán, được giá rất cao"²⁶.

Cuốn ký sự từ Việt Nam sang Singapour và Batavia năm 1832-1833 của Phan Huy Chú cho biết thêm về vị trí chiến lược của hòn đảo này: "Đảo Côn Lôn và cửa Cần Hải đối nhau. Đảo ấy là nơi làm tiêu chí cho các thuyền đi lại ở biển Nam định hướng. Nghe nói nơi ấy xóm làng trù mật, dân cư đông đúc. Núi có nhiều yến sào. Phong cảnh thật là đẹp. Xưa nay đã đặt thủ ngự ở

19. Phạm Xanh (1987), *Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo – làng An Hải (Côn Đảo)*, Bdd, tr.105-106.

20. Phạm Xanh (1987), *Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo – làng An Hải (Côn Đảo)*, Bdd, tr.107.

21. Trần Nam Tiến (2014), *Đội Hoàng Sa trong lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr.49.

22. Lê Quý Đôn (2018), *Phủ biên tạp lục*, Trần Đại Vinh dịch, bổ chính, Nxb Đà Nẵng, tr.101.

23. Thực ra quân Trịnh chiếm Phú Xuân từ năm 1775- 1786; Côn Lôn vào năm 1780, do Tây Sơn kiểm soát.

24. Hồng Nhung – Hoàng Hoàng (2015), *Lịch sử chiếm đóng đảo Côn Lôn qua lời kể của các học giả nước ngoài*, Tlđđ, tr.40.

25. *Địa chí Phú Hải* (1974), Dẫn theo Phạm Xanh (1987), *Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo – làng An Hải (Côn Đảo)*, Tlđđ, tr.108.

26. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập thượng, Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr.49.

đó để tuần phòng mặt biển. Gần đây có thuyền bè đi lại. Đó là một nơi quan yếu. Lần này thuyền đi từ Vị Nê thẳng ra ngoài biển đi xa cách Côn Lôn nên ban đêm vượt qua mà không biết. Sáng ra thấy đàn chim bay lượn vòng tròn mấy vòng, rồi bay về hướng đông. Trời rộng, chim mất hút, bấy giờ biết đảo này đã cách xa. Đường biển xa vời, không thể quay lại nhìn được nữa. Vì vậy trong lòng vừa tiếc lại vừa buồn”²⁷.

Cửa Cẩn Hải chính là cửa Cẩn Giờ thuộc huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định (tp. Hồ Chí Minh nay) - một danh thắng từng được khắc trên Cửu Đỉnh (Huế) dưới thời Minh Mạng.

Một chút tiếc nuối của Phan Huy Chú khi đoàn thuyền sứ vượt qua đảo Côn Lôn (Côn Đảo) vào ban đêm mà không có dịp chiêm ngưỡng cảnh vật nơi đây, một quần đảo có vị trí chiến lược²⁸.

Côn Lôn cũng được đề cập khá chi tiết trong tài liệu nước ngoài: “Hòn đảo này được gọi là Pulo – Condor (Côn Đảo), hoặc “đảo Calabashes” nằm ở phía nam của Nam Kỳ, bốn mươi bốn dặm từ cửa sông của Campuchia. Nói cho đúng hơn đó là một nhóm các đảo, trong đó có một bến cảng có khả năng giữ tám tàu neo đậu tốt và rộng rãi... Đảo này sản xuất lúa và một số loại trái cây, đặc biệt là chuối, bưởi, và bầu bí. Đó là một nơi phù hợp cho một trạm quân sự và bến giao thương”²⁹.

Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XVIII, “đảo Côn Lôn mới được khai phá và trở thành một bộ phận lãnh thổ của Đàng Trong và đặt dưới quyền cai trị của dinh Trấn Biên”³⁰.

2.2. Khai thác kinh tế ở Phú Quốc

Thế kỷ XV-XVI, trên đảo Phú Quốc đã có nhóm dân cư từ miền Bắc, miền Trung với nhiều lý do khác nhau đến đây sinh cơ, lập nghiệp. Họ tập trung ven cửa Cạn và Hàm Ninh, khai thác tài nguyên thiên nhiên và từng bước ổn định cuộc sống. Cho đến cuối thế kỷ XVII dưới thời chúa Nguyễn, Mạc Cửu đến khai khẩn vùng đất Hà Tiên, chiêu mộ dân phiêu lưu ở Phú

Quốc và các nơi thành lập 7 thôn xã. Vùng đất Phú Quốc từ đây bắt đầu có người cai quản.

Giữa thế kỷ XVII, Mạc Cửu quê Quảng Đông (Lôi Châu, Trung Quốc), không chịu thần phục nhà Minh, mang gia quyến và binh sĩ, xin vào đất Cao Miên trú ngụ, được vua phong cho chức Ốc nha, cai quản vùng Sài Mạt. Những năm cuối thế kỷ XVII, quân Xiêm thường xuyên chiếm Cao Miên, tình hình bất ổn. Mạc Cửu đưa gia quyến về đất Lũng Kỳ, chiêu mộ dân xiêu tán, khai phá vùng đất từ phương Nam đến Cà Mau. Địa thế chật hẹp, ông cho dời thủ phủ về đất Cẩn Cao. Mạc Cửu chiêu mộ dân Việt lưu tán ở Phú Quốc, Lũng Kỳ, Cẩn Bột thuộc đất Cẩn Cao (Hà Tiên), khai phá ruộng vườn, xây dựng nhà cửa. Ông cho khai thác vùng đất dọc theo sông Giang Thành, sông Cái Lớn, sông Gành Hào, sông Đốc. Từ đây hình thành nên 7 điểm dân cư: Hà Tiên, Phú Quốc, Lũng Kỳ, Cẩn Vọt (Kampot), Vũng Thơm (Kongpong Thom), Rạch Giá và Cà Mau, gọi chung là Mang Khảm.

Năm 1708, Mạc Cửu dâng đất Mang Khảm cho chúa Nguyễn Phúc Chu. Chúa Nguyễn đổi tên đất Mang Khảm thành trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu chức Tổng binh trấn Hà Tiên. Sau đó, Mạc Cửu đã “lập dinh trại đồn trú ở đất Phương thành, nhơn dân càng ngày qui tụ càng đông đảo”³¹. Kể từ đây việc khai hoang ở Hà Tiên được đẩy mạnh cùng với việc thiết lập thiết chế cai trị của nhà nước phong kiến Đại Việt³².

Từ đây trấn Hà Tiên (bao gồm Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau và Phú Quốc) đã trở thành một đơn vị hành chính của nhà nước phong kiến Đại Việt ở Đàng Trong. “Cùng với Gia Định, Đồng Nai, Hà Tiên trở thành một trong ba đỉnh của tam giác Việt Nam ở Nam Bộ, đồng thời là một tiền trạm chiến lược phía Tây sông Hậu, tạo ra cái thế không thể dùng trong cuộc khai thác phương Nam”³³. Một trang sử mới đã mở ra cho vùng đất từ sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng trên bước đường Nam tiến của dân tộc.

Riêng Phú Quốc lúc ấy chưa tổ chức các đơn vị hành chính cấp tổng, huyện nhưng đã có một số thôn

27. Phan Huy Chú (2021), *Hải trình chí lược*, Phan Huy Lê, Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu, Nxb Hà Nội, tr.51-52.

28. Phan Huy Chú (2021), *Hải trình chí lược*, Sdd, tr.52.

29. M. Malte Brun, James G. Percival (1834), *A system of Universal Geography, or a description of all the parts of the world, on a new plan according to the great natural divisions of the globe accompanied with analytical, synoptical and elementary tables*, vol I, printed and published by Samuael Walker, Boston, USA, p.550. Dẫn theo Dương Hà Hiếu (2015), *Biển, đảo Việt Nam trong các tư liệu tiếng Anh từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, tr.30.

30. Đỗ Quỳnh Nga (2022), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.83.

31. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập trung, Sdd, tr.79-80.

32. Nguyễn Xuân Hoài – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Sdd, tr.35-38.

33. Cao Tự Thanh (1998), *Hà Tiên quá khứ và tương lai*, Báo Công an thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1/10, tr.22.

ấp của người Việt như các thôn: An Hòa, Thới Thạnh, Vĩnh Thạnh, Phước Lộc, Phú Đông, Tân Quy, Cẩm Sơn, Mỹ Thạnh, Phước Sơn, Tiên Tỉnh³⁴.

Năm 1791, chúa Nguyễn Ánh cho sở Phú Quốc lệ thuộc vào huyện Long Xuyên, “phàm công việc quân dân đều do đây hết; hằng năm cứ theo sổ đinh hiện tại làm sở để nộp”³⁵. Năm 1795, Nguyễn Ánh ra lệnh; “lấy tham luận quân Thành sách là Nguyễn Tiến Bảo làm Ký lục Vĩnh Trấn, thu thuế sai dư của quân và dân sở Phú Quốc”. “Tiền thuế của hạng tráng, quân, dân thực nạp và của hạng lão tật thì giống như lệ ở bốn dinh. Những thú binh, mộ phu, người Minh Hương, người Đường (Hoa Kiều) thì mỗi người 3 quan”³⁶. Năm 1797, triều đình lại tha thuế sai dư về sau cho sở Phú Quốc. Nguyễn Ánh nghĩ sở ấy ở trên hải đảo hẻo lánh, đất xấu dân nghèo nên đặc biệt tha thuế, còn sưu dịch thì chịu như lệ thường³⁷.

Có thể nói đến cuối thế kỷ XVIII, vùng đất liền và biển đảo Hà Tiên đã do các chúa Nguyễn nắm giữ. Những cư dân sinh sống ven biển, các đảo trong vùng Tây Nam trong vịnh Thái Lan phải tuân thủ những quy định về mặt pháp luật của chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ như đi lính, thuế đinh, các loại thuế nghề nghiệp khác. Tất cả những vấn đề liên quan đến biên giới quốc gia, phân chia đơn vị hành chính,... dòng họ Mạc chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của chính quyền Đàng Trong. Sự kiện Nặc Ông Tôn xin phong vương và dâng đất cùng với việc phân chia hai đạo Long Xuyên và Kiên Giang thể hiện rõ vấn đề này³⁸.

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra một nhận xét có tính chất tổng kết: “Công cuộc khai phá đất đai và xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn ở Nam Bộ được triển khai theo phương thức tranh thủ chiếm những vùng đất trống, những địa điểm quan trọng mà thuận lợi, vừa thúc đẩy quá trình khai phá đất đai, vừa xác lập, củng cố và bảo vệ chủ quyền một cách vững chắc”³⁹.

Sử liệu dân gian cũng cung cấp cho ta nhiều tư liệu, bổ sung cho chính sử về những hoạt động của chúa Nguyễn Ánh trong thời gian đối đầu với Tây Sơn ở vùng biển Tây Nam.

Giữa thế kỷ thứ XVI, tại quần đảo Nam Du đã xảy ra trận ác chiến giữa đội tàu người Hà Lan và người Hải Nam (người Trung Quốc, dân địa phương gọi là người Chệt) tranh nhau sở huyệt phách khai thác được chuyển từ Phú Quốc về. Trong trận này có nhiều người Hoa chết không được chôn cất, thi thể của họ đều bị bão biển cuốn trôi, nhiều xác trôi tấp vào bãi này, nên có địa danh bãi Chệt⁴⁰.

Các địa danh bãi Ngự, giếng Vua (giếng Gia Long), Cù Tron (An Sơn), hòn Sơn Rái, bãi Chén (hòn Tre)... được nhân dân truyền khẩu, cho rằng các địa danh này gắn liền với sự hiện diện của chúa Nguyễn Ánh trong những ngày bốn tẩu, đã 4 lần bị quân Tây Sơn truy bắt phải lánh nạn ra đến tận đảo Phú Quốc và đảo Thổ Chu.

Ở hòn Cù Tron, theo truyền thuyết, khi chúa Nguyễn Ánh bại trận đến đây tạm trú, quân lính thiếu lương thực phải đi tìm trái dại, củ rừng về ăn. Họ tìm được một loại củ tròn, nấu ăn ngon, qua được cơn đói. Sau này, khi lên ngôi, vua Gia Long đặt cho đảo lớn nhất trong quần đảo là “hòn Cù Tron”, dân ở đây đọc trại thành “Cù Tron”. Loại củ tròn đó chính là củ năng, một loại khoai rừng, củ to khoảng 10kg. Trước khi nấu ăn phải gọt vỏ, chẻ từng khoanh ngâm nước, luộc nhiều lần, xả kỹ để khi nấu khoai không bị đắng. Khoai nấu chín ăn khá ngon.

Người ta biết đến quần đảo này có lẽ sau sự kiện những năm 70 của thế kỷ XVIII, khi quân chúa Nguyễn Ánh đến đây tạm trú để trốn tránh quân Tây Sơn. Về sau các đảo trong quần đảo này mới có những cái tên như hòn Cù Tron, bãi Giếng, bãi Ngự, hòn Mấu, hòn Ngang... Nhiều giai thoại, truyền thuyết về sự có mặt của Nguyễn Ánh hiện còn đang lưu truyền tại đây. Tại giếng Vua (hòn Cù Tron) có một tấm bia ghi bằng chữ Hán, được chôn sâu dưới đất nên không đọc được hết chữ, dân địa phương cho là do chính tay Nguyễn Ánh khắc để kỷ niệm những ngày ở đây.

Sách Gia Định thành thông chí cho biết ở hòn Sơn Rái có rất nhiều dầu rái (dầu trong để trét xuống ghe)

34. Nguyễn Xuân Hoài – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Sdd, tr.38.

35. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr.276.

36. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr.340.

37. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tr.349. Nguyễn Thế Trung (2013), *Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Tlđd, tr.57-58.

38. Nguyễn Thế Trung (2013), *Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Tlđd, tr.29.

39. Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội, tr.490.

40. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.85.

với tên chữ là Mãnh Hỏa, nên hòn đảo này được đặt là đảo *Mãnh Hỏa* (hòn Dầu Rái), sau này dân gian đọc trại thành hòn *Sơn Rái* hay gọi tắt là hòn *Rái*.

Truyền thuyết kể lại rằng lần đầu chúa Nguyễn Ánh đến đây (1780), quân lính không còn gì để ăn. Trong đêm chúa nằm mộng thấy một vị thần hiện ra chỉ đường đi tìm lương thực. Sau khi tỉnh giấc, chúa được nhiều con rái cá bắt cá dâng lên và dẫn đường đi lấy nước ngọt, rau củ. Sau đó chúng lại xóa các dấu chân đi trên cát của quân chúa Nguyễn để bảo vệ. Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đặt tên hòn này là hòn Sơn Rái để tưởng nhớ công ơn của loài rái cá⁴².

Trên quần đảo *Hải Tặc* (Iles des Pirates) vào những thế kỷ trước, bọn cướp biển người Triều Châu, Hải Nam (Trung Quốc) đến đây cướp phá và làm sào huyệt, tổ chức những đội ghe thuyền, thường gọi là “giặc tàu ô”, để khống chế các thuyền buôn từ vịnh Hà Tiên - Rạch Giá ra đến vịnh Thái Lan. Đến đầu thế kỷ XX, nạn cướp biển vẫn còn hoành hành. Vàng bạc châu báu cướp được, bọn chúng đem chôn giấu tại một số địa điểm bí mật trên quần đảo. Năm 1981, người dân hòn Đốc bắt giữ hai người nước ngoài khi họ lái thuyền đổ bộ lên sục sạo trong các hẻm núi với la bàn, bản đồ và dụng cụ dò đào vàng.

Sách Đại Nam nhất thống chí chép về đảo Thổ Chu: “Đảo này làm viễn án cho 2 huyện Kiên Giang và Long Xuyên, có một tên nữa là đảo Sạn Trúc, chu vi độ 100 dặm, cây cối rườm rà, hang động u ảo, sản xuất yến sào, đồi mồi, ba ba, hải sâm, cũng có nhân dân ở đấy. Lúc đầu trung hưng, Thái tổ Cao hoàng đế [chúa Nguyễn Ánh – NTL chú] thường ngự thuyền đến”⁴³.

Từ đầu thế kỷ XVIII, trên đảo Thổ Chu đã có lưu dân người Việt cư trú, chủ yếu làm nghề đánh bắt. Năm 1777, Nguyễn Ánh chạy trốn quân Tây Sơn tại đây, sau đó ông gặp Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) trên đảo này. Quân chúa Nguyễn đã nung nấu ít nhất 3 lần trên hòn đảo này. Đây là căn cứ hậu cần của chúa Nguyễn ở Đàng Trong những năm đánh nhau với quân Tây Sơn. Hiện nay, vẫn còn lưu lại những địa danh như bãi Ngự, giếng Ngự, bãi Vọng...

Di tích liên quan đến thời gian Nguyễn Ánh trú ngụ trên đảo Phú Quốc là ngôi mộ của một hoàng tử thất lộc lục 3 tuổi ở Bãi Sao và một giếng Ngự cùng nhiều bia đá chữ đã mờ gọi là “Đá Chữ”⁴⁴.

Côn Lôn và Phú Quốc là hai quần đảo lớn nhất ở đất Gia Định, có ý nghĩa địa quân sự, được thể hiện trong giai đoạn các chúa Nguyễn, đặc biệt là Nguyễn Ánh. Côn Lôn cách xa đất liền, bị công ty nước ngoài chiếm đóng và chúa Nguyễn Phúc Chu đã thực thi chủ quyền mạnh mẽ, đánh tan mưu đồ đó vào năm 1702 khi vừa thiết lập nền hành chính vào năm 1698. Phú Quốc là chiến trường thường xuyên giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn. Nhìn chung, việc khai thác kinh tế hai quần đảo này chỉ thực sự bắt đầu từ thời nhà Nguyễn, nhưng các chúa Nguyễn đã luôn nhận thức hai khu vực này luôn là chỗ dựa nên luôn cố gắng xác lập về chủ quyền, khẳng định về cương vực, nhất là ở vùng biển Tây Nam trong bối cảnh Cao Miên, Xiêm La luôn muốn xâm chiếm vùng đất này. Đối với Nguyễn Ánh khu vực này là bàn đạp trên con đường thống nhất đất nước./.

41. Đoàn Nô (2005), *Lịch sử Kiên Hải (1836-2005)*, Ban Thường vụ Huyện ủy Kiên Hải, Bản thảo, tr.23-24.

42. Quốc sử quán triều Nguyễn (1973), *Đại Nam nhất thống chí* Lục tỉnh Nam Việt, tập hạ, An Giang – Hà Tiên, Tái bản có sửa chữa, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr.61. Cũng sách này, trong bản dịch của Phạm Trọng Điểm chép: “Hòn Thổ Chu ở ngoài biển về huyện Hà Châu, cách bờ 2 ngày rưỡi đường; lại có tên là hòn Châu Dầu, chu vi chừng trăm dặm, cây cối xanh om, con vích, hải sâm; trên cù lao có dân cư. Đầu đời trung hưng, Thế tổ Cao hoàng đế đã từng đỗ thuyền ở đấy” [Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.19].

43. Địa phương chí Kiên Giang (1958), Dẫn theo Nguyễn Xuân Hoài – Phạm Thị Huệ (đồng chủ biên) (2012), *Lịch sử Phú Quốc qua tài liệu lưu trữ*, Sdd, tr.49.